TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2026.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đinh Thị Phúc.

- Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2026 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D** sinh năm 1989; địa chỉ: Lô A, khu tái định cư B, Khu công nghiệp C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Sầu A** sinh năm 1993; địa chỉ: Lô A, khu tái định cư B, Khu công nghiệp C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Sầu A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phường T, tỉnh Lâm Đồng), có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn nhưng hành vi vi phạm pháp luật hình sự của ông A bà không thể nào chấp nhận được. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà và ông Sầu A có 01 con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H sinh ngày 16/7/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Sầu Nguyễn Ngân H cho đến ngày con thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Sầu A:

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2026 của ông A có xác nhận của Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lâm Đồng, ông A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không nhớ kết hôn với bà D năm nào, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông vi phạm pháp luật bị tạm giam không chăm sóc gia đình và con cái, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2025. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý lý hôn với bà D.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H sinh ngày 16/7/2018. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cho bà D được quyền trực tiếp nuôi con chung Sầu Nguyễn Ngân H cho đến ngày con thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định; do ông A có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Lâm Đồng:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D với ông A ly hôn; giao con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H sinh ngày 16/7/2018 cho bà D nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; về cấp dưỡng ông A không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà D với bị đơn ông A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Sầu A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M (nay là Phường T, tỉnh Lâm Đồng), có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Bà D cho rằng, vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn nhưng hành vi vi phạm pháp luật hình sự của ông A bà không thể nào chấp nhận được, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông A. Ông A trình bày, do ông vi phạm pháp luật, từ năm 2025 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D với ông A đã trầm trọng, kéo dài, nguyên nhân do ông A vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự, bà D với ông A không còn chung sống với nhau từ năm 2025, ông A cũng đồng ý ly hôn với bà D, tại phiên tòa bà D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A nên quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông A là không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông A.

- *Về con chung:* Bà D với ông A có 01 con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H sinh ngày 16/7/2018. Bà D yêu cầu nuôi con, ông A đồng ý giao con cho bà D nuôi, hơn nữa ông A vi phạm pháp luật hình sự đang bị tạm giam không đủ điều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Bà D không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà D và ông A không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D, xử cho bà Nguyễn Thị Thùy D với ông Sầu A ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sầu Nguyễn Ngân H sinh ngày 16/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Ông Sầu A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004887 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Sầu A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực B – Lâm Đồng;
- Phòng THA DS khu vực B – Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND Phường T (số 99, đăng ký ngày 11/9/2028 – phường K, TP M cũ)
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm